

*
Số 172-BC/HU

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết chuyên đề số 03-NQ/HU ngày 16/12/2015 về “Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích và thu nhập cho người dân, giai đoạn 2016-2020”

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CHUYÊN ĐỀ SỐ 03-NQ/HU GIAI ĐẠN 2016-2018

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện

Nghị quyết chuyên đề số 03-NQ/HU của Huyện ủy có vai trò cụ thể hóa khâu đột phá “Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích và thu nhập cho người dân” mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đạ Huoai lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra. Đây là chủ trương được Huyện ủy đặc biệt quan tâm, chú trọng, thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát và đánh giá kết quả thực hiện thông qua hội nghị sơ kết, tổng kết hàng năm để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục rút kinh nghiệm. Qua 03 năm triển khai thực hiện toàn huyện đạt nhiều kết quả quan trọng trên các mặt, khẳng định được tính đúng đắn, kịp thời của Nghị quyết trong việc góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế theo chiều sâu, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Trên cơ sở Nghị quyết 03-NQ/HU của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện kịp thời xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn 2016-2020, ban hành 157 văn bản chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị quyết. Chỉ đạo cho các phòng, ban chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, ban hành 110 văn bản đôn đốc thực hiện; cử cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị xuống hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện, kịp thời giải quyết hoặc đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc tại cơ sở.

Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn xây dựng và ban hành Nghị quyết, kế hoạch chuyên đề để triển khai thực hiện việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong các khâu cải tạo giống, trồng, chăm sóc, sản xuất, chế biến nông sản đúng quy trình kỹ thuật nâng cao giá trị trên 1 đơn vị diện tích và thu nhập cho người dân.

2. Công tác tuyên truyền, quán triệt nghị quyết

Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, mở rộng quy mô, quan tâm công tác chuyển đổi giống, phòng trừ dịch bệnh được triển khai thực hiện đồng bộ từ huyện đến cơ sở.

Mặt trận tổ quốc, đoàn thể các cấp kịp thời xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết của Huyện ủy, kế hoạch của UBND huyện, phối hợp, thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân hiểu, đồng thuận, tích cực tham gia xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật hiệu quả, phù hợp với điều kiện, kinh tế địa phương.

Hàng năm, các ngành chức năng thường xuyên tổ chức tham quan các mô hình sản xuất hiệu quả trong và ngoài huyện, chú trọng hướng dẫn, giúp đỡ xây dựng, nhân rộng mô hình kinh tế, các điển hình tiên tiến sản xuất giỏi từ đó tác động, làm thay đổi nhận thức của người dân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra:

Qua 3 năm, triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU của Huyện ủy trên địa bàn huyện bước đầu đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, tính đến cuối năm 2018:

- Giá trị sản phẩm trên một diện tích đất canh tác nông nghiệp đạt 75 triệu đồng/năm vượt kế hoạch đề ra (KH 70-75 triệu đồng/ha giai đoạn 2016-2020), tăng 39,5 triệu đồng so với năm 2015. Có 629 ha có thu nhập trên 200 triệu đồng/ha/năm đạt 62,9% kế hoạch đề ra (KH-1000 ha), tăng 503 ha so với năm 2015.¹

Diện tích ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình thâm canh tăng năng suất, chất lượng nông sản đạt 2.259 ha, đạt 14,49% diện tích gieo trồng, đạt 58% kế hoạch giai đoạn 2015-2020 (KH-25% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp)²

- Tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 23,8 % giá trị trong cơ cấu ngành nông nghiệp. (KH- 25-30%).

2. Kết quả thực hiện đối với các nhiệm vụ, giải pháp:

2.1. Xác định vùng sản xuất tập trung một số cây trồng chủ lực để ứng dụng công nghệ cao:

- Huyện đã xác định được vùng sản xuất tập trung cây trồng chủ lực để ứng dụng công nghệ cao tại thôn 1, thôn 2, thôn 4 xã Hà Lâm với diện tích 300ha. Đến nay, trên địa bàn huyện cơ bản hình thành các vùng sản xuất đối với các nhóm cây

¹ Năm 2015, giá trị sản phẩm trên một diện tích đất canh tác nông nghiệp đạt 35,5 triệu đồng/năm; năm 2016 đạt 53,88 triệu đồng, năm 2017 đạt 40,51 triệu đồng. Năm 2015 có: 126 ha có thu nhập trên 200 triệu đồng/ha/năm; năm 2019 Có 629 ha có thu nhập trên 200 triệu đồng/ha/năm. Trong đó có 442 hộ sản xuất sâu riêng, có mức doanh thu đạt 541 triệu đồng/ha, sau khi trừ chi phí có mức thu nhập đạt 463 triệu đồng/ha.

² Sầu riêng 629,5 ha ứng dụng công nghệ cao và thâm canh đạt 70% kế hoạch giai đoạn; Mãng cụt 28 ha ứng dụng công nghệ cao và thâm canh đạt 28% kế hoạch giai đoạn (KH-1.000ha cây ăn trái); Điều 1.482 ha thâm canh đạt 59% kế hoạch giai đoạn (KH-2.500ha); Dâu 94,3 ha ứng dụng công nghệ cao và thâm canh đạt 47% kế hoạch giai đoạn(KH-200ha); Cỏ chăn nuôi 25,5 ha ứng dụng công nghệ cao và thâm canh đạt 13% kế hoạch giai đoạn (KH-200ha).

chủ lực như: Cây điều, Sầu riêng, dâu tằm...³, căn cứ trên kế hoạch hàng năm của tỉnh, huyện tiếp tục có những hỗ trợ, thúc đẩy hình thành chuỗi giá trị trong vùng sản xuất công nghệ cao.

- Từng bước hình thành vùng chăn nuôi gia súc theo hướng nuôi bò bán công nghiệp, chăn nuôi heo theo hướng trang trại, gia trại tại các xã Madaguôi, Đa Oai, Đa Tồn.⁴

- Công tác phát triển đồng cỏ và ứng dụng kỹ thuật thâm canh tăng năng suất được người dân tích cực hưởng ứng, là cơ sở bước đầu để đẩy mạnh công tác cải tạo đàn bò trong thời gian tới.

2.2. Giống và công tác giống cây trồng, con vật nuôi:

Công tác giống cây trồng, con vật nuôi được quan tâm thực hiện quyết liệt, kiên trì và thu nhiều thành quả đáng khích lệ. Toàn huyện đã chuyển đổi, cải tạo 2.720 ha cây trồng cho năng suất, thu nhập thấp sang các loại cây trồng cho năng suất, thu nhập cao.⁵ Năng suất bình quân một số loại cây trồng chủ lực tiếp tục tăng.⁶

Công tác bình tuyển cây đầu dòng, phát triển vườn ươm sản xuất cây giống được quan tâm, chú trọng. Đến nay, toàn huyện xây dựng được: 13 cây điều đầu dòng, 3 vườn cây Điều, sầu riêng đầu dòng, 3 vườn ươm sản xuất giống, hàng năm, cung cấp cho thị trường khoảng 50.000 giống điều ghép, sầu riêng đảm bảo tiêu chuẩn, từng bước đáp ứng được nhu cầu cây giống cho nhân dân.

Thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giống cây trồng của Tỉnh, hỗ trợ chuyển đổi, cải tạo cây trồng trên diện tích 1.522,6 ha cho 3.680 lượt hộ,⁷ hỗ trợ chuyển đổi, cải tạo giống vật nuôi cho người dân⁸. Công tác cải tạo đàn Bò của huyện tiếp tục được quan tâm, tổng đàn bò toàn huyện đạt 3.192 con bằng 58% kế hoạch, có 1.582 lượt con Bò cái được phối giống nhân tạo và sinh ra 869 con bê lai, chất lượng đàn bò cái sinh sản của huyện có chuyển biến khá tốt.⁹

³ Cây điều 8.500 ha tại xã Đa Ploa, Đoàn Kết, Phước Lộc, Đa Oai và xã Madaguôi; cây sầu riêng 2.900 ha tại xã Hà Lâm, Phước Lộc, Đa P'loa, Đoàn Kết, xã Đa M'ri và thị trấn Đa M'ri, xã Đa Oai; cây dâu tằm 282ha tại xã Đa Oai, Đa Tồn và xã Madaguôi

⁴ Hiện nay trên địa bàn huyện có 03 trại chăn nuôi heo, 07 trang trại tổng hợp và 99 gia trại. Bên cạnh đó, nghề nuôi tằm phát triển mạnh đã tạo ra chuỗi giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp, sản lượng kén tằm đạt 270 tấn, tăng 62% so với năm 2015, đạt 80% kế hoạch.

⁵ Điều 1.564,5 ha, Sầu riêng ghép 888ha, Chè 115 ha, Dâu lai 85,4 ha, Cỏ chăn nuôi 67 ha.

⁶ Sầu riêng năng suất bình quân 12,9 tấn/ha; Mãng cụt năng suất bình quân 5 tấn/ha; Dâu năng suất bình quân 16,4 tấn/ha; Cỏ chăn nuôi năng suất bình quân 249 tấn/ha.

⁷ cây Điều 845,3ha; cây Sầu riêng 238,6ha; cây Chè 112,1ha; cây Dâu 43,5ha; cây Bắp 283,1ha)

⁸ Hỗ trợ 30 con heo nái ngoại hậu bị lai 2 máu YL; hỗ trợ 05 con bò đực giống Brahman, 50 con bò cái thuần chủng giống siêu thị Red Angus, Charolais, BBB, Droughtmaster; 196 con bò cái nèn (85 con thuần chủng Brahman, 20 con Drougmaster và 01 con Red Angus); và hỗ trợ vật tư, tiền công thụ tinh nhân tạo Bò để khuyến khích nông dân cải tạo đàn Bò

⁹ 50% đàn bò sinh sản trọng lượng từ 280kg/con trở lên có khả năng lai tạo với các giống bò chuyên thịt như Red Angus, Charolais, Droughtmaster để tạo ra con lai cao sản; 29,5% đàn bò có trọng lượng từ 220-280kg/con khuyến cáo phối giống nhân tạo với tinh bò Brahman để nâng dần tầm vóc đàn bò, các con lai sinh ra đời sau sẽ đủ khả năng phối với các tinh bò chuyên thịt.

- Công tác quản lý nhà nước về sản xuất kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp thường xuyên được tăng cường, hàng năm các ngành chức năng tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch kiểm tra, quản lý, xử lý đối với các trường hợp không đủ tiêu chuẩn trên địa bàn, đảm bảo chất lượng cây giống, vật tư phục vụ người dân đầu tư sản xuất.¹⁰

2.3. Xây dựng quy trình trồng, chăm sóc các đối tượng cây trồng, con vật nuôi chủ lực:

- Đây là một trong những nhiệm vụ được ngành nông nghiệp huyện triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao, phát huy được tính chủ động, sáng tạo trong xây dựng, áp dụng quy trình sản xuất các cây trồng chủ lực, đảm bảo phù hợp với tình hình thời tiết, khí hậu tại địa phương.

Trung tâm Nông nghiệp chủ động phối hợp với các ngành liên quan và nông dân sản xuất giỏi giàu kinh nghiệm hoàn thành 10 bộ tài liệu ngắn gọn, dễ hiểu, cập nhật được những kiến thức mới về quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc các đối tượng cây trồng, con vật nuôi chủ lực trên địa bàn huyện¹¹. Đồng thời chủ trì phối hợp với UBND các xã, thị trấn lựa chọn, đề xuất xây dựng 07 mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao trong các khâu của quy trình sản xuất, trình UBND huyện phê duyệt, lựa chọn hộ thực hiện theo quy định.¹²

- Hỗ trợ chuỗi liên kết sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP trong sản xuất Sầu riêng cho 02 HTX và 01 THT, với tổng số diện tích là 319,5 ha/224 hộ.

2.4. Công tác xen canh, luân canh:

- Với mục tiêu giúp người dân tăng hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập, bù đắp thiệt hại khi cây trồng chủ lực bị mất mùa. Mô hình xen canh, luân canh được khuyến khích phát triển và nhân rộng tại địa phương. Trong 3 năm triển khai thực hiện, toàn huyện có 2.259 ha cây trồng được đầu tư thâm canh, đạt 58% kế hoạch.¹³

¹⁰ hiện tại trên địa bàn huyện có 27 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Năm 2018, các cơ quan chức năng của huyện kiểm tra 20/27 cơ sở, kết quả có 18 cơ sở đạt loại A và B, 1 cơ sở kinh doanh cây giống đạt loại C (hiện đã ngừng hoạt động), 1 cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật đạt loại C (hiện đã khắc phục).

¹¹ Gồm: Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây sầu riêng ghép; Kỹ thuật chăm sóc, thu hoạch cao su tiêu điền; Kỹ thuật chăm sóc điều; Kỹ thuật chăm sóc cây măng cụt; Kỹ thuật thâm canh cây dâu lai; Kỹ thuật thâm canh và chế biến, dự trữ có làm thức ăn gia súc; Kỹ thuật nuôi và phòng, trị bệnh trên bò thịt; Kỹ thuật chăn nuôi gà thả vườn an toàn sinh học. Riêng 2 quy trình: Kỹ thuật thu hoạch và chế biến, bảo quản sầu riêng; Kỹ thuật nuôi tầm các đơn vị đang tiếp tục hoàn thiện trong năm 2018 – 2019.

¹² (1) Mô hình thâm canh cây Điều; (2) Mô hình trình diễn thâm canh năng suất cây Dâu lai; (3) Mô hình thâm canh, xử lý ra hoa sớm vụ trên cây Măng cụt; (4) Mô hình trình diễn giống Điều AB29 và AB0508; (6) Mô hình trình diễn giống bưởi da xanh; (6) Mô hình thâm canh cỏ Ghinê; (7) Mô hình nuôi bò thịt lai cao sản Red Angus và BBB.

¹³ + (1) Cây sầu riêng: có 629,5ha ứng dụng công nghệ cao và thâm canh, đạt 72,03% kế hoạch cả giai đoạn; năng suất bình quân 12,9 tấn/ha, doanh thu 541,1 triệu đồng, lợi nhuận 463,1 triệu đồng/ha;

+ (2) Cây dâu tằm: có 94 ha ứng dụng công nghệ cao và thâm canh (gồm 70,4ha ứng dụng CNC và 2 ha ứng dụng thâm canh), đạt 43% kế hoạch cả giai đoạn. Năng suất dâu đạt 164 tạ/ha,

- Bên cạnh việc thâm canh, UBND huyện chú trọng chỉ đạo công tác trồng xen cây Chè, luân canh cây Bắp, phát triển diện tích dâu lai để tăng thu nhập cho người dân, trong 2 năm 2017- 2018, diện tích chè trồng xen dưới tán Điều là 115 ha, bình quân thu nhập tăng thêm từ 30-35 triệu đồng/ha/năm; phát triển 46 ha dâu lai nâng tổng diện tích dâu lai 268ha, cho thu nhập 140 triệu đồng/ha; hỗ trợ 285 ha giống bắp cho nông dân trồng xen và luân canh trên diện tích lúa 1 vụ, bình quân thu nhập tăng thêm là 15 triệu đồng/vụ.

- Tập trung chỉ đạo đội ngũ khuyến nông viên, thú y viên thường xuyên theo dõi tiến độ sản xuất, tình hình dịch bệnh, kịp thời báo cáo và đề xuất biện pháp xử lý hiệu quả; Hướng dẫn các xã, thị trấn vận động nhân dân áp dụng xen canh, luân canh tăng hiệu quả canh tác, nâng cao giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích.

2.5. Ứng dụng công nghệ trong thu hoạch, chế biến và bảo quản nông sản sau thu hoạch và tiêu thụ nông sản:

Việc ứng dụng công nghệ trong thu hoạch, chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch và tiêu thụ nông sản bước đầu được quan tâm, triển khai thực hiện, toàn huyện có 01 HTX chế biến nông sản Đạ Huoai tại xã Phước Lộc, chế biến sản phẩm Sầu riêng đông lạnh hút chân không ước sản lượng năm 2018 đạt 15 tấn sản phẩm; 01 Công ty TNHH Nam Đế Trà tại xã Hà Lâm thu mua, chế biến trà đen ước sản lượng năm 2018 đạt 70 tấn thành phẩm.

Một số hộ chăn nuôi bò đã biết sử dụng phương pháp chế biến, dự trữ thức ăn thô xanh, đảm bảo đàn bò được nuôi theo hình thức nuôi nhốt, nuôi bán công nghiệp, luôn chủ động được nguồn thức ăn.

2.6. Phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất:

doanh thu bình quân đạt 180 triệu đồng/ha, sản lượng kén đạt 1.400kg, doanh thu từ trồng dâu nuôi tằm đạt 180 triệu đồng, lợi nhuận 152 triệu đồng/ha/năm;

+(3) Trồng cỏ thâm canh: hiện có 25,1 ha/84 hộ có đầu tư thâm canh và ứng dụng công nghệ cao, đạt 50% KH năm và đạt 12,6% kế hoạch cả giai đoạn. Năng suất cỏ bình quân 220tấn/ha, mỗi ha nuôi được 20-22 con bò, ước doanh thu từ trồng cỏ kết hợp nuôi bò đạt 140 triệu đồng/ha/năm Trồng cỏ thâm canh: hiện có 25,1 ha/84 hộ có đầu tư thâm canh và ứng dụng công nghệ cao, đạt 50% KH năm và đạt 12,6% kế hoạch cả giai đoạn. Năng suất cỏ bình quân 220tấn/ha, mỗi ha nuôi được 20-22 con bò, ước doanh thu từ trồng cỏ kết hợp nuôi bò đạt 140 triệu đồng/ha/năm;

+(4) Cây điều: năm 2018 năng suất điều toàn huyện chỉ đạt 5,4 tạ/ha, tuy nhiên đã thống kê có 1.482 ha điều đã thâm canh, đạt 59% kế hoạch cả giai đoạn. Trong điều kiện thời tiết khí hậu bất lợi, ảnh hưởng đến quá trình ra hoa đậu quả, nông dân đã quan tâm ứng dụng thâm canh nhưng mức độ chưa cao nên năng suất trên diện tích thâm canh chỉ đạt 11,5 tạ/ha, tương ứng đạt 58% kế hoạch (KH 19,7tạ/ha), doanh thu 36 triệu đồng, thu nhập 28 triệu đồng/ha (bên cạnh đó, nhiều diện tích thâm canh cao đạt năng suất 20-27 tạ/ha);

+(5) Đối với cây măng cụt: Diện tích 333ha, năm 2018 có 28,1ha ứng dụng thâm canh cho năng suất cao, tuy nhiên do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và dịch bệnh nên không có diện tích cho năng suất, thu nhập cao. Riêng năm 2018 thống kê được 28,1 ha ứng dụng thâm canh, năng suất 50 tạ/ha, doanh thu 153 triệu đồng, sau khi trừ chi phí thu nhập 136,6 triệu đồng/ha.

Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất là một trong những nhiệm vụ quan trọng quyết định tính hiệu quả của việc ứng dụng KHKT vào sản xuất nông nghiệp. Trong 3 năm qua, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã chủ động, sáng tạo, chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhiều công trình trọng tâm, trọng điểm sớm đem lại hiệu quả thiết thực, tạo tiền đề thúc đẩy người dân mạnh dạn ứng dụng KHKT trong sản xuất, cụ thể:

- Về giao thông: Đầu tư nâng cấp 37 km đường giao thông, đường trục xã, liên xã, liên thôn, xóm, đường trục chính nội đồng. Đến nay, 100 % xã có đường ô tô rải nhựa đến trung tâm xã, 100% thôn có đường giao thông xe cơ giới đi được.

- Về thủy lợi: Đầu tư xây dựng hồ chứa nước Đạ Đẩu xã Phước Lộc, sửa chữa 4 công trình thủy lợi, nạo vét 7 tuyến kênh mương cống dâng xã Madaguôi, trạm bơm Đạ Gui, hỗ trợ đào 45 ao hồ nhỏ tại các xã, thị trấn. Toàn huyện hiện có 09 công trình thủy lợi đang hoạt động, với tổng chiều dài kênh tưới 41.317 km, năng lực thiết kế 1.069 ha, trong đó diện tích tưới thực tế 985 ha, chiếm 92,4% diện tích cây trồng được tưới. Các công trình thủy lợi được đưa vào khai thác, sử dụng cơ bản đáp ứng nhu cầu nước tưới của người dân.

- Về điện: Thực hiện đầu tư, cải tạo 03 tuyến đường điện trung, hạ thế phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp tại xã Đạ Oai, xã Phước Lộc, Hà Lâm (hạ thế điện 3 pha), ngoài ra ngành điện cũng đã thực hiện cải tạo hệ thống điện cho 2.360 hộ gia đình để phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

- Bên cạnh đó, kết cấu hạ tầng kỹ thuật vùng đồng bào dân tộc thiểu số được đầu tư tương đối đồng bộ, các dự án phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh được ưu tiên, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt... được thực hiện thường xuyên, đúng, đủ theo quy định, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Hiện nay, toàn huyện không còn thôn, xã đặc biệt khó khăn.

2.7. Xây dựng các mô hình liên kết trong chuỗi giá trị sản phẩm:

- Đây là nhiệm vụ đang được Huyện ủy, UBND huyện đặc biệt quan tâm, hiện các ngành chức năng đang lựa chọn chủ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, thông qua 4 dự án thuộc 4 sản phẩm chủ lực của huyện;¹⁴ Triển khai thực hiện tốt 47 điểm trình diễn ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất với quy mô 21,91ha. Diện tích canh tác được đầu tư tưới tự động, bán tự động, tưới tiết kiệm đạt 762,3 ha, trong đó tưới kết hợp với phun thuốc, bón phân là 9,8ha.¹⁵

¹⁴ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị cây sầu riêng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò thịt; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trồng dâu nuôi tằm; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị cây điều

¹⁵ Mô hình thâm canh cây điều năng suất đạt 25,2 tạ/ha, điển hình có mô hình đạt 30-37 tạ/ha; mô hình thâm canh cây dâu lai kết hợp nuôi tằm năng suất thu hoạch kén 2.069 kg/ha/năm, cho doanh thu đạt 227,52 triệu đồng, lợi nhuận 206,6 triệu đồng/ha/năm; mô hình ứng dụng CNC trên cây Sầu riêng, hệ thống tích hợp tự động thực hiện 3 khâu chăm sóc: bón phân - tưới nước-phun thuốc phòng trừ sâu bệnh đã giảm rất nhiều công chăm sóc, phun thuốc; nâng cao hiệu quả

- Toàn huyện có 28 trang trại¹⁶, 16 Tổ hợp tác, 9 hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, sơ chế nông sản và nhiều câu lạc bộ, chi hội nghề nghiệp. Tiếp tục hướng dẫn hoàn tất các thủ tục thành lập HTX nông nghiệp tại xã Phước Lộc, Đa Phước, Đoàn Kết.

2.8. Công tác ứng dụng khoa học công nghệ trong thông tin thị trường:

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết 03-NQ/Hu gắn với cụ thể hóa Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 BCH TW Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy về Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2011-2015.

- Trong 02 năm 2017, 2018 đã tổ chức 286 lớp tập huấn chuyên giao KHKT¹⁷ cho 11.178 lượt người tham dự, nội dung trọng tâm là hướng dẫn kỹ thuật trồng thâm canh các loại cây trồng chính, sử dụng hiệu quả phân bón, thuốc BVTV, kỹ thuật trồng cỏ, chăn nuôi bò cao sản, chế biến thức ăn... cho 10/10 xã, thị trấn. Bên cạnh đó, UBND huyện đã ban hành Đề án truy xuất nguồn gốc sầu riêng Đa Phước giai đoạn 2019-2025, cung cấp Tem truy xuất cho các hộ dân đã đăng ký.

2.9. Huy động nguồn lực:

+ *Đối với nguồn nhân lực:*

Thường xuyên nâng cao chất lượng lao động, nhất là lao động nông thôn¹⁸, hàng năm tổ chức hội thảo, tập huấn, thực hiện chuyên giao KHKT cho người dân, đáp ứng yêu cầu làm chủ công nghệ, áp dụng KHKT vào sản xuất.

Thông qua hình thức sinh hoạt các CLB (14 CLB, THT sầu riêng/267 hộ dân tham gia), hàng tháng tổ chức trao đổi kinh nghiệm, trực tiếp ra vườn hướng dẫn xử lý những vấn đề vướng mắc giúp bà con tham gia CLB đã nắm vững kỹ thuật, ứng dụng vào sản xuất cho năng suất, sản lượng cao. Nhiều hộ đã trở thành chuyên gia, có khả năng quyết định được sản lượng sầu riêng của gia đình.¹⁹

+ *Đối với nguồn vốn*

-Việc huy động các nguồn lực, bố trí kinh phí, ngân sách dành cho phát triển nông nghiệp được Huyện ủy, UBND huyện đặc biệt quan tâm, chú trọng. Trong 3 năm thực hiện Nghị quyết, các nguồn vốn huy động đầu tư đạt 818,5 tỷ đồng, bằng 265% kế hoạch đề ra. Trong đó: vốn từ ngân sách nhà nước là 79,5 tỷ đồng (bao gồm: đầu tư phát triển hệ thống giao thông 41,5 tỷ đồng, phát triển thủy lợi 31,3 tỷ đồng, điện phục vụ sản xuất 2,8 tỷ đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất 3,6 tỷ đồng, đào

sử dụng phân bón, thuốc BVTV; giảm thiểu ảnh hưởng sức khỏe con người do ít phải tiếp xúc trực tiếp với thuốc BVTV hiện nay đã có thêm 05 hộ/8,5ha ứng dụng nhân rộng mô hình này.

¹⁶ Gồm trồng trọt: 20 trang trại, chăn nuôi: 2 trang trại, tổng hợp: 6 trang trại,

¹⁷ 249 lớp kỹ thuật cây trồng, 36 lớp chăn nuôi, 04 lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho lực lượng KNV, TYCS

¹⁸ Tổ chức 16 lớp dạy nghề, cấp chứng nhận cho 437 nông dân

¹⁹ Năm 2018 toàn huyện đã có 629,5 ha sầu riêng thâm canh, ứng dụng công nghệ cao có doanh thu bình quân đạt trên 540 triệu đồng/ha, nhiều hộ có mức thu nhập trên 1 tỷ đồng/ha.

tạo nghề và phát triển ngành nghề nông thôn 0,3 tỷ đồng); vốn từ nông dân và doanh nghiệp 739 tỷ đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Qua 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 03-NQ/HU của Huyện ủy, trong điều kiện có nhiều khó khăn như: khí hậu biến đổi bất thường, thiên tai dịch bệnh làm mất mùa, giá cả đầu vào các loại vật tư nông nghiệp tăng, trong khi giá cả một số sản phẩm nông sản giảm mạnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển sản xuất nông nghiệp của huyện.

Với sự nỗ lực, quyết tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ, đoàn thể và sự đồng thuận của nhân dân các dân tộc trong toàn huyện, sau 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 03-NQ/HU đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Bước đầu hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa là các cây trồng chủ lực của huyện, nhiều mô hình áp dụng khoa học kỹ thuật hiệu quả, đã phát huy, khai thác được tiềm năng lợi thế của địa phương. Công tác cải tạo, chuyển đổi giống, cây trồng có năng suất, sản lượng thấp sang cây trồng đem lại hiệu quả kinh tế cao tiếp tục được người dân hưởng ứng. Kết cấu hạ tầng được đầu tư tương đối đồng bộ, các tuyến đường giao thông liên huyện, liên xã được nâng cấp mở rộng, các công trình thủy lợi trọng điểm, hệ thống kênh mương, ao hồ nhỏ cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân.

Nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về ứng dụng khoa học kỹ thuật, đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp đã có nhiều chuyển biến. Hầu hết các đối tượng cây trồng, con vật nuôi chủ lực trên địa bàn đều có mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGap mang lại hiệu quả cao, là điểm tham quan, học tập cho nhân dân trên địa bàn. Một số mô hình sản xuất hiệu quả được phát triển nhân rộng thành phong trào, như: thâm canh sầu riêng ghép chất lượng cao; tía cành tạo tán, thâm canh điều; thâm canh dâu lai kết hợp nuôi tằm..., Giá trị sản xuất bình quân trên một đơn vị diện tích năm 2018 đạt 75 triệu đồng/ha, tăng 39,5 triệu đồng so với năm 2015, về đích trước thời hạn so với chỉ tiêu giai đoạn đề ra; diện tích đất ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình thâm canh, tăng năng suất, chất lượng đạt 58% kế hoạch. Các kết quả nêu trên đã phần nào khẳng định chủ trương đúng đắn của Nghị quyết, khẳng định ý nghĩa, vai trò áp dụng KHKT trong nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, thu nhập của người dân.

2. Tồn tại, hạn chế

Việc cụ thể hóa các chủ trương, Nghị quyết của Huyện ủy, Kế hoạch của UBND huyện để xây dựng Nghị quyết, kế hoạch của địa phương ở một số xã, thị trấn còn chậm, chưa cụ thể, chưa sát với điều kiện thực tế, không chi tiết được đến từng thôn, tổ dân phố.

Xuất hiện tình trạng tự ý chuyển đổi cây trồng (Sầu riêng), để chạy theo lợi nhuận ở những vùng được cảnh báo không phù hợp điều kiện tự nhiên, nước tưới gây nguy cơ phá vỡ đề án quy hoạch của huyện.

Việc xây dựng mối liên kết, hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế; các HTX, THT hoạt động hiệu quả chưa cao, quy mô nhỏ, chưa hình thành mối liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, giữa nông dân với doanh nghiệp. Mô hình thâm canh ứng dụng khoa học kỹ thuật theo tiêu chuẩn VietGAP đã được quan tâm nhưng tiến độ nhân rộng chậm. Công tác cải tạo đàn bò còn đạt thấp so với kế hoạch đề ra.

Việc ứng dụng công nghệ trong chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch mới chỉ dừng ở mức độ thu hoạch và bán cho các cơ sở thu mua nên giá trị sản phẩm chưa cao. Công tác ứng dụng khoa học công nghệ trong thông tin thị trường cho người dân chưa thực sự phát huy hiệu quả, việc đăng kí cấp quyền sử dụng nhãn hiệu “sầu riêng Đạ Huoai” chưa được người dân quan tâm đúng mức.

Công tác tuyên truyền của một số đoàn thể còn hình thức, chung chung, chưa phù hợp với thực tế. Công tác bảo vệ môi trường sống, môi trường sản xuất chưa được quan tâm đúng mức, tình trạng người dân lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học khá phổ biến.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan:

Tình hình thời tiết, khí hậu, dịch bệnh, giá cả thị trường có nhiều diễn biến phức tạp là những yếu tố khách quan ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống sản xuất của người dân. Bên cạnh đó, việc đầu tư ứng dụng KHKT vào sản xuất đòi hỏi vốn lớn, thời gian dài, nguồn lực của người dân còn hạn chế, nên ảnh hưởng đến tiến độ mở rộng diện tích ứng dụng khoa học kỹ thuật, thâm canh.

3.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Nhận thức của một số cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở về ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết chưa đầy đủ; Trong lãnh đạo tổ chức thực hiện chưa thể hiện quyết tâm chính trị cao.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện của của một số cấp ủy, chính quyền chưa thật khoa học, thiếu quyết liệt, đeo bám, cụ thể, chưa sát với thực tế. Chất lượng một số văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện còn chung chung, chưa nhất quán, thiếu cơ sở thực hiện, thiếu giải pháp rõ ràng, chưa có sự chủ động trong việc giải quyết những khó khăn, vướng mắc; Sự vào cuộc của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở một số cơ sở thiếu sự chủ động, chậm đổi mới.

- Công tác phối kết hợp giữa các Phòng, cơ quan, với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, với UBND xã, thị trấn có lúc chưa chặt chẽ, đồng bộ, thông tin chưa kịp thời. Công tác kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh, đánh giá tiến độ thực hiện chưa được quan tâm đúng mức, có lúc chưa thường xuyên, chưa đeo bám.

- Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác nông - lâm - thủy ở cơ sở còn nhiều hạn chế; một số cán bộ công chức chuyên trách chưa phát huy hết vai trò, tinh thần trách nhiệm đối với lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Tư duy sản xuất của người dân đã có chuyển biến nhưng vẫn còn một bộ phận chậm đổi mới, nặng về kinh nghiệm gây khó khăn trong triển khai thực hiện Nghị quyết.

4. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Đẩy mạnh ứng dụng KHKT vào sản xuất nông nghiệp là chủ trương, định hướng, hướng đi đúng đắn của Huyện ủy, UBND huyện, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của người dân và phù hợp với xu thế tất yếu của sản xuất nông nghiệp trong điều kiện phát triển kinh tế thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ hai: Phải tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong thực hiện nhiệm vụ giải pháp Nghị quyết 03 đề ra, việc ban hành nghị quyết, chương trình kế hoạch của cấp ủy, chính quyền phải đảm bảo chất lượng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phải chủ động, sáng tạo, chú trọng công tác kiểm tra, đôn đốc, gắn với việc sơ kết, tổng kết nhiệm vụ chính trị hàng năm để rút kinh nghiệm, kịp thời khen thưởng các tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc.

Thứ ba: Coi trọng công tác tuyên truyền vận động làm thay đổi nhận thức, hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nội dung tuyên truyền phải có trọng tâm, trọng điểm, tập trung xây dựng, giới thiệu các mô hình điển hình, gương điển hình tiên tiến sản xuất giỏi để tạo sự lan tỏa, nhân rộng trong nhân dân. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ giỏi, có tâm huyết trong lĩnh vực nông nghiệp, nâng cao dân trí, khả năng thích ứng của người dân trước sự thay đổi nhanh chóng của thị trường.

Thứ tư: Phát huy tính chủ động trong công tác dự báo tình hình biến đổi khí hậu, thời tiết đối với các cây trồng chủ lực của huyện, từ đó đưa ra các giải pháp xử lý, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về kinh tế cho người dân.

Thứ năm: Tranh thủ các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, tư nhân, nhân dân để đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất. Đề cao tính chủ động, sáng tạo trong việc đầu tư, xây dựng các công trình trọng tâm, trọng điểm sớm đem lại hiệu quả, đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ.

Thứ sáu: Triển khai đồng bộ các giải pháp về quản lý nhà nước trong việc ứng dụng KHKT trong sản xuất, kịp thời giải quyết những nguy cơ tiềm ẩn đến môi trường, hình thành nền sản xuất nông nghiệp bền vững.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 03-NQ/HU TRONG THỜI GIAN TỚI (GIAI ĐOẠN TỪ 2019-2020)

1. Mục tiêu đến năm 2020:

- Giá trị sản phẩm trên một diện tích đất canh tác nông nghiệp đạt trên 80 triệu đồng/năm. Trong đó có 1.000 ha có thu nhập trên 200 triệu đồng/ha/năm trở lên.

Diện tích ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình thâm canh tăng năng suất, chất lượng nông sản chiếm 25% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp.

- Tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 25-30% giá trị trong cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó tập trung phát triển đàn bò, đàn heo trở thành đối tượng vật nuôi chủ lực trên địa bàn.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả 09 nhóm nhiệm vụ giải pháp mà Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 16/12/2015 của Huyện ủy Đạ Huoai xác định. Chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, tập trung khắc phục, giải quyết một cách đồng bộ, hiệu quả những hạn chế, tồn tại trong thời gian qua. Phát huy hơn nữa tính chủ động, sáng tạo và vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, công tác quản lý điều hành của chính quyền trong xây dựng văn bản cụ thể hóa Nghị quyết 03-NQ/HU của Huyện ủy và Kế hoạch 15/KH-UBND của UBND huyện tại địa phương, đơn vị; Cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp, lộ trình thực hiện, sát với thực trạng địa phương, phân công trách nhiệm cho các cá nhân, tổ chức và triển khai đến từng hộ dân.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức đến từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong toàn hệ thống chính trị, nhất là người đứng đầu các tổ chức, cơ quan và nhân dân trên địa bàn huyện hiểu đầy đủ, sâu sắc về mục đích, ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của Nghị quyết 03-NQ-HU trong việc nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân từ đó tạo niềm tin, thúc đẩy nhân dân tích cực tham gia thực hiện hiệu quả Nghị quyết góp phần phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững.

3. Tăng cường các giải pháp tái cơ cấu, phát triển ngành nông nghiệp theo hướng toàn diện, bền vững, hiện đại, gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng văn minh đô thị trên địa bàn.

4. Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông, lâm nghiệp, sử dụng nguyên liệu đầu vào từ sản phẩm nông nghiệp địa phương. Tiếp tục đầu tư thâm canh diện tích cây trồng đã chuyển đổi trong giai đoạn trước như: điều, sầu riêng, măng cụt, dâu lai... và thực hiện luân canh, xen canh để nâng cao giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích; tập trung đẩy mạnh ứng dụng KHKT, thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp cho người dân.

5. Triển khai phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị để từng bước hình thành chuỗi liên kết sản xuất, chế biến - tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện. Quan tâm thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể. Chú trọng củng cố, có giải pháp hỗ trợ, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các HTX, giúp họ đủ năng lực làm đầu mối kết nối nông dân thực hiện sản xuất theo chuỗi giá trị, chủ động trong khâu tiêu thụ nông sản.

6. Chú trọng xúc tiến thương mại, quảng bá, khai thác, sử dụng có hiệu quả thương hiệu sầu riêng Đạ Huoai đồng thời nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm Sầu riêng trong toàn huyện; đẩy mạnh sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt đi đôi với tìm kiếm thị trường; xây dựng chỉ dẫn địa lý, xúc tiến quảng bá thương hiệu và tìm đầu ra cho các sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương.

7. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc cử cán bộ, công chức, viên chức, người nông dân tham gia các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ

năng chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là kỹ năng quản lý, vận hành, sử dụng các trang thiết bị hiện đại, KHKT mới trong sản xuất nông nghiệp. Cùng cố, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động thôn, phát triển hệ thống công nghệ thông tin cung cấp kiến thức, quy trình kỹ thuật, chăm sóc cây trồng, con vật nuôi trên địa bàn.

8. Tiếp tục quan tâm, chú trọng đầu tư các nguồn lực cho phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là đáp ứng được nhu cầu về nguồn điện, nguồn nước tưới cho người dân ở những vùng sản xuất cây trồng chủ lực; Khai thác, sử dụng có hiệu quả hạ tầng cơ sở sản xuất đã được đầu tư.

9. Thường xuyên phối hợp đôn đốc, theo dõi, tổ chức kiểm tra, giám sát chuyên đề, giám sát thường xuyên trong triển khai thực hiện Nghị quyết 03-NQ/HU tại địa phương, đơn vị.

Trên đây là báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 16/12/2015 của Huyện ủy Đạ Huoai về “Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích và thu nhập của người dân giai đoạn 2016-2020”./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Thường trực HU, HĐND, UBND huyện;
- Đ/c Trần Văn Hiệp-UVBTV Tỉnh ủy;
- MTTQ, các đoàn thể huyện;
- Các TCCS Đảng trực thuộc;
- Các đ/c Huyện ủy viên;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Trần Duy Hùng